

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 5 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA-TỈNH PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Kiên

2. Bà Chu Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ: Bà Đinh Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu 4, xã C, huyện T, Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quân C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu 14, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 13, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thị Thu H trình bày:**

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quân C vào ngày 13/7/2016, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã (V cũ) V, huyện Hạ Hòa. Sau kết hôn, vợ chồng chị ở chung với gia đình bố mẹ đẻ chị tại xã C, huyện T và cùng đi làm công ty thuộc khu Công nghiệp Phú Hà. Sau khi chung

sống ở nhà bố mẹ đẻ chị được 02 năm thì trên nhà anh C cũng có công ty nên anh C đã chuyển về xã V làm công nhân. Chị vẫn ở với bố mẹ đẻ tại xã C, huyện T, thời gian đi làm, sống chung anh C thỉnh thoảng mới đưa cho chị một triệu để nuôi con, vì vậy mà vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể thống nhất được với nhau về làm ăn kinh tế, về chỗ ở và về chăm sóc con cái. Vì không thể chung sống được với nhau nữa nên chị và anh C đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 27/01/2017 và Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020 (anh C đã làm thay đổi khai sinh cho cháu là Nguyễn Tiến A). Cháu A ở cùng với chị và gia đình ông bà ngoại từ nhỏ cho đến tháng 12/2020 thì anh C đã đón cháu về trên nhà ở cùng anh và bố mẹ đẻ anh C cho đến nay, chị không được đón cháu về lần nào nữa. Hiện chị đang nuôi cháu A (A) cháu còn rất nhỏ. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì các cháu còn nhỏ, cháu A thì thường xuyên ốm, chị có thời gian để chăm sóc cháu nhiều hơn. Anh C còn phải đi làm, bố mẹ anh C đã nhiều tuổi, làm nông nghiệp nên việc chăm sóc cháu sẽ hạn chế. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị và anh C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Số tiền 20.000.000.đ mà anh C yêu cầu chị trả cho anh C là tiền anh C đi vay của anh H (anh rể anh C) việc vay nợ chị có biết. Vay số tiền này với mục đích làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó không làm nữa vì vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn nên bố mẹ chị không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho chị và anh C. Số tiền mà anh C đưa cho chị, chị đã không sử dụng vào làm thủ tục về đất mà đã sử dụng 10.000.000.đồng để đưa cháu Nguyễn Tiến A đi khám bệnh và mua thuốc tại bệnh viện Nhi Trung ương, bệnh viện đa khoa huyện Thanh Ba, số tiền còn lại 10.000.000.đ chị đã sử dụng vào việc mua sữa cho con, mua sữa chị uống trong thời gian có bầu cháu A (A) và tiền đi khám thai định kỳ... Chị đã sử dụng khoản tiền 20.000.000. đ để lo cho con nên chị không trả lại cho anh C, không trả lại cho anh H. Khi sử dụng khoản tiền 20.000.000.đ chị không nói cho anh C biết vì thời điểm đó anh C đã chuyển về làm công nhân tại xã V, huyện H.

Tại bản tự khai, quá trình hòa giải, tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Quân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với ý kiến của chị H về quá trình tìm hiểu cho đến khi tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (V cũ) V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh và chị H đều làm tại Công ty thuộc khu công nghiệp Phú Hà nên đi về nhà bố mẹ chị H gần hơn, vì vậy mà anh và

chị H đã xin phép bố mẹ đẻ anh để xuống ở nhà bố mẹ đẻ chị H tại xã C, huyện T. Đến năm 2017, khi chị H sinh cháu đầu thì anh đã đón về nhà tại xã V chăm sóc cho đến hết thời gian nghỉ thai sản, chị H lại về nhà bố mẹ đẻ tại xã C để đi làm. Đến năm 2018 khi trên nhà anh mở công ty, anh đã bàn với chị H về trên nhà anh tại xã V để làm cho gần nhưng chị H không đồng ý. Vì vậy, mà mỗi người làm một nơi từ đó cho đến nay. Trong thời gian anh đi làm vẫn đưa tiền cho chị H để lo sinh hoạt và nuôi con, mỗi tháng 3.000.000. đồng chứ không như chị H trình bày ở trên. Cuối năm 2020, sau khi chị H sinh cháu thứ hai thì vợ chồng đã xảy ra va chạm và có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế, anh có nguyện vọng vợ chồng cùng về trên nhà anh sinh sống nhưng chị H không đồng ý, vì vậy mà từ tháng 12/2020 vợ chồng anh đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi chị H xin ly hôn, anh cũng đã mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, mặc dù anh và chị H đã được Tòa án hòa giải nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng, hiện cháu A đang ở với anh và được anh nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân còn cháu A (A) thì ở với chị H. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị H không đồng ý thì anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu A(A) vì hiện tại cháu còn rất nhỏ.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống: Anh có đưa cho chị H 20.000.000.đ để làm thủ tục mua đất, số tiền này là tiền anh vay của anh H (anh rể) nay vẫn chưa trả. Mục đích vay để đưa cho chị H mua đất chứ không phải để sử dụng vào mục đích khác. Anh không chấp nhận ý kiến của chị H là sử dụng vào việc đưa con đi bệnh viện, mua thuốc cho con, mua sữa hay chi tiêu khác mà chị H đã trình bày. Vì thời gian vợ chồng chung sống, anh và chị H đều đi làm công nhân và vẫn có tiền để sinh hoạt và nuôi con, khi anh chuyển công việc về Công ty May gần nhà, anh vẫn chu cấp thực phẩm và nuôi con, anh cùng chị H đưa con đi khám bệnh viện chứ không phải một mình chị H. Do vậy anh đề nghị chị H phải có trách nhiệm trả lại cho anh khoản tiền 20.000.000.đ để anh trả lại cho anh H. Vì không muốn liên quan đến anh H nên anh xác định từ đầu là không phải là nợ chung mà là khoản tiền chị H phải trả lại cho anh vì anh là người đưa cho chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh là anh rể của anh C, vào tháng 02/2018, anh C có vay của anh số tiền

20.000.000.đ và khi vay có nói chuyện, chị H có 30.000.000.đ còn thiếu 20.000.000.đ để mua đất. Do vậy, anh đã đồng ý cho vợ chồng anh C vay. Khi vay không viết giấy vay nợ gì, số tiền trên đưa trực tiếp cho anh C. Từ khi vay cho đến nay, vợ chồng anh C chưa trả lại cho anh. Đến nay, anh C và chị H ly hôn, anh yêu cầu vợ chồng anh C và chị H phải có trách nhiệm trả lại cho anh 20.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu phải trả lãi.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương: Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C có tự nguyện tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã Vu cũ nay là xã V đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2016. Sau khi kết hôn, Vợ chồng anh C và chị H đi làm công nhân tại khu công nghiệp Phú Hà và sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ chị H tại xã C, huyện T. Anh C và chị H chỉ về nhà bố mẹ đẻ anh C tại xã V khi gia đình có công việc hoặc thời gian chị H sinh con. Từ giữa năm 2018, anh C về làm công nhân tại Công ty may Hưng Thịnh, còn chị H vẫn sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Từ cuối năm 2020, anh C đã đưa cháu A về chung sống cùng anh và cháu đi học tại trường mầm non xã V. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C và chị H cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương, khu dân cư không nắm rõ vì vợ chồng chị H và anh C không thường xuyên chung sống cùng nhau tại địa phương. Khu dân cư và địa phương không nhận được đơn đề nghị hòa giải hay bất kỳ đơn thư nào từ anh C và chị H

Về con chung: Anh C và chị H có hai con chung Nguyễn Tiến A, sinh ngày 27/01/2017 và Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020 (đã cải chính là Nguyễn Tiến A). Từ cuối năm 2020, cháu A sinh sống cùng với anh C và gia đình bố mẹ đẻ anh C tại khu 14, xã V, cháu đang học tại trường mầm non xã V. Từ khi về địa phương sinh sống, cháu được chăm sóc và đi học đầy đủ. Anh C và gia đình anh C là công dân tốt, thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật, quy định khu dân cư, không có vi phạm gì. Từ khi cháu A về sinh sống cùng anh C, khu dân cư, Chính quyền địa phương chưa nhận được sự phản ánh nào từ chị H về việc bị ngăn cản hay không được thăm nom con. Cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020 đã được anh C đề nghị cải chính tên là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020, UBND xã V đã cải chính ngày 01/02/2021, hiện cháu đang ở với chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 37; khoản 1 Điều 51; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia

đình, điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quân C.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020; anh Nguyễn Quân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày ngày 27/01/2017. Chị H và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị H và anh C đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về công nợ chung: Buộc chị H và anh C phải trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền gốc 20.000.000.đ, mỗi người phải trả 10.000.000.đ, không phải trả tiền lãi do anh H không yêu cầu.

Về công sức đóng góp: Chị H và anh C đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí chị H phải chịu 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm; chị H và anh C phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Quân C có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thụ lý vụ án, tiến hành mở phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quân C đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 do mâu thuẫn phát sinh nên chị H và anh C đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo lời khai của chị H và anh C trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống anh, chị có nhiều quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra va chạm, không thống nhất trong làm ăn

để phát triển kinh tế gia đình, về chỗ ở cũng như cách chăm sóc nuôi dạy con chung... Anh C mong muốn vợ chồng cùng về làm ăn và sinh sống tại xã V, huyện H nơi bố mẹ đẻ anh sinh sống còn chị H không đồng ý. Chị H cho rằng, anh C đi làm không có tiền đưa cho chị trang trải và nuôi dưỡng con chung... Từ những mâu thuẫn đó đã làm cho tình cảm vợ chồng dần nứt, không hòa thuận, không có hạnh phúc. Mặc dù đã được hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Chị H và anh C đã sống ly thân nhiều tháng nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, có thể xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh C đều thuận tình xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quân C có 02 con chung là Nguyễn Tiến A, sinh ngày 27/01/2017 và Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020. Sau khi ly hôn, Chị H và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh C là chính đáng thể hiện tình cảm, trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung. Chị H và anh C đều là công nhân có việc làm, có thu nhập ổn định có đủ khả năng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện nay, cháu A còn rất nhỏ đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu A đang được anh Nguyễn Quân C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và được đi học đầy đủ. Xét thấy, để đảm bảo cho các con chung của chị H và anh C có cuộc sống được ổn định, đảm bảo về mọi mặt để phát triển, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Hội đồng xét xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020; giao cho anh Nguyễn Quân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 27/01/2017 như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị H và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về công nợ chung: Quá trình xác minh, điều tra, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ : Đối với số tiền 20.000.000.đ là khoản tiền anh C, chị H đều thừa nhận vay của anh H và cho rằng đây không phải là nợ chung. Anh C cho rằng khoản tiền này anh vay đưa cho chị H thì chị H phải có trách nhiệm trả lại cho anh để anh trả lại cho anh H. Chị H xác nhận là có nhận khoản tiền 20.000.000đ từ phía anh C và biết nguồn gốc số tiền này là anh C vay của anh H nhưng chị không ký giấy vay nợ nên không có trách nhiệm trả cho anh H vì theo chị khoản

tiền này anh C đã trả anh H. Chị cũng không trả cho anh C vì số tiền anh C đưa chị đã chi tiêu vào việc khám chữa bệnh, mua thuốc cho con, khám thai, mua thuốc bà bầu, khám thai định kỳ khi chị mang thai cháu A. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản tiền này được vay và chị H đã sử dụng trong thời kỳ hôn nhân, mục đích để chăm sóc sức khỏe cho con chung, sinh hoạt chung trong gia đình.... Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình cần xác nhận là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, hai bên phải cùng có trách nhiệm trả cho anh H mỗi người trả một nửa.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị H và anh C phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung nên phải chịu tiền án phí theo giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1, khoản 2 Điều 37; khoản 1 Điều 51; 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

. *** Xử:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Quân C.

*** Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 08/10/2020; anh Nguyễn Quân C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến A, sinh ngày 27/01/2017 kể từ khi ly hôn đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị H, anh C có quyền nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

***Về tài sản chung, công sức đóng góp:** Chị H và anh C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

*** Về công nợ chung:** Xác nhận số tiền 20.000.000.đ vay của anh Nguyễn Văn H là nợ chung của vợ chồng. Buộc anh Nguyễn Quân C và chị Nguyễn Thị Thu H mỗi người phải trả cho anh Nguyễn Văn H 10.000.000.đ (Mười triệu đồng), không phải trả lãi do anh H không yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0002565 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị H và anh C mỗi người còn phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H, bị đơn anh Nguyễn Quân C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu AV,HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Tô Mạnh Tiến